

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 292/2012/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 08 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**V/v Quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm
cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của
HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004, Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND,

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 26/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp Quy định về lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2105/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trên địa bàn tỉnh và Báo cáo thẩm tra số 51/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các vị Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên *(có phụ lục chi tiết kèm theo)*.

Thời điểm áp dụng : Từ ngày 01/01/2013.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và thay thế cho các qui định về mức chi kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND các cấp trên địa bàn tỉnh tại Nghị quyết số 161/2009/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII về việc Quy định mức chi hỗ trợ kinh phí cho công tác xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XIII, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 7 tháng 12 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng

PHỤ LỤC

**Mức chi và định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện
văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên**
(Kèm theo Nghị quyết số 292/2012/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đơn vị tính: đồng)		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã	
I	Mức chi cho các nội dung trong hoạt động xây dựng và hoàn thiện văn bản QPPL của HĐND, UBND				
1	Chi xây dựng đề cương chi tiết dự thảo văn bản				
a	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân				
	- Nghị quyết mới hoặc thay thế	Đề cương	630.000	440.000	300.000
	- Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Đề cương	500.000	350.000	250.000
b	Quyết định của Ủy ban nhân dân				
	- Quyết định mới hoặc thay thế	Đề cương	600.000	420.000	290.000
	- Quyết định sửa đổi, bổ sung	Đề cương	500.000	350.000	250.000
c	Chỉ thị của Ủy ban nhân dân				
		Đề cương	350.000	250.000	180.000
2	Chi soạn thảo văn bản				
a	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân				
	- Nghị quyết mới hoặc thay thế:	Dự thảo văn bản	2.800.000	1.960.000	1.370.000
	- Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Dự thảo văn bản	2.450.000	1.720.000	1.200.000

b	Quyết định của Ủy ban nhân dân				
	- Quyết định mới hoặc thay thế	Dự thảo văn bản	2.200.000	1.500.000	1.050.000
	- Quyết định sửa đổi, bổ sung	Dự thảo văn bản	1.900.000	1.300.000	900.000
c	Chỉ thị của Ủy ban nhân dân				680.000
3	Chi soạn thảo các loại báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản				
a	Báo cáo/bản tổng hợp các ý kiến góp ý về dự thảo văn bản	Báo cáo; bản tổng hợp	140.000	100.000	70.000
b	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; ý kiến thẩm định, thẩm tra	Báo cáo	210.000	150.000	100.000
c	Báo cáo nhận xét, đánh giá, phân biệt của chuyên gia độc lập; báo cáo của thành viên tham gia thẩm định, thẩm tra; báo cáo tham luận độc lập theo đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản				
	- Đối với dự thảo Nghị quyết mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, Quyết định mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	210.000	150.000	100.000
	- Đối với dự thảo Chỉ thị mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	140.000	100.000	70.000
	- Đối với Văn bản sửa đổi, bổ sung	Báo cáo	100.000	70.000	50.000
d	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật				560.000
	Báo cáo do các Sở, ban, ngành tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp có mức chi bằng mức chi				1.050.000

											của cấp huyện; Báo cáo do Phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi phòng Tư pháp có mức chi bằng mức chi cấp xã	
4	Chi soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản											
<i>a</i>	<i>Văn bản góp ý</i>											
	- Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	Văn bản	140.000	100.000	70.000							
	- Đối với dự thảo Chỉ thị của Ủy ban nhân dân	Văn bản	100.000	70.000	50.000							
<i>b</i>	<i>Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra</i>											
	- Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	350.000	250.000	175.000							
	- Đối với dự thảo Chỉ thị của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	280.000	200.000	140.000							
5	Chi chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản	01 lần chỉnh lý	100.000	70.000	50.000							
6	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây dựng, hoàn thiện văn bản và thi hành pháp luật											

<i>a</i>	<i>Chủ trì</i>	Người/buổi họp	150.000	150.000	150.000	150.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc
<i>b</i>	<i>Các thành viên tham dự</i>	Người/buổi họp	100.000	100.000	100.000	100.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc
<i>c</i>	<i>Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự</i>	Văn bản	140.000	100.000	100.000	70.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc
7	Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu (nếu có)						
<i>a</i>	<i>Dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt</i>	Trang	80.000	80.000	80.000	80.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc
<i>b</i>	<i>Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài</i>	Trang	100.000	100.000	100.000	100.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc
<i>c</i>	<i>Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số</i>	Trang	70.000	70.000	70.000	70.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc
<i>d</i>	<i>Hiệu đính tài liệu dịch</i>	Trang	30.000	30.000	30.000	30.000	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc
8	Đối với các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp bao gồm: Các khoản chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước; tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; tổ chức điều tra thống kê, khảo sát, đánh giá thực tiễn; lập hệ cơ sở dữ liệu tin học phục vụ cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản; nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản; xây dựng các loại thuyết minh, tờ trình; lập đề nghị xây dựng văn bản; lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản; báo cáo đánh giá, tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản phục vụ trực tiếp công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản; phổ biến văn bản; Thực hiện theo các quy định hiện hành của Trung ương và của tỉnh						
II	Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân						

1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành mới hoặc thay thế	Văn bản	6.300.000	4.900.000	3.850.000	
2	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung	Văn bản	5.000.000	3.900.000	3.000.000	
3	Chỉ thị của Ủy ban nhân dân	Văn bản	2.450.000	1.750.000	1.400.000	
4	Đối với văn bản có nội dung phức tạp phải lấy ý kiến tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị hoặc có nội dung liên quan đến nhiều cấp, ngành, lĩnh vực	Văn bản	Định mức phân bổ cao hơn mục 1, mục 2, mục 3, phần II nhưng phần kinh phí tăng thêm không quá 20%.			